TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7 – CÀ MAU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 202/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 9-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Văn Chiến

2. Ông Nguyễn Hoài Tân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Nguyễn , là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa**:* Bà Châu Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 498/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 16/08/1990. Căn cước công dân 096090013870, cấp ngày 06/08/2023. Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Đ trình bày: Ông Đ với bà N xây dựng hôn nhân năm 2018. Đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (cũ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 02/05/2019. Ông Đ và bà N chung sống với nhau có một người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 27/07/2019. Hiện cháu Q đang sống cùng bà N. Sau khi cưới nhau, vợ chồng đi làm thuê ở S, tết hoặc lễ mới về nhà cha mẹ, không có nhà riêng, làm nhiêu chi sài hết không tích lũy nên không có tài sản chung; không có nợ chung. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên ông Đ và bà N đã ly thân 04 năm nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Cháu Q chung sống cùng bà N từ xưa đến nay, khi ly hôn ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Q cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Đ sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập bà N đến Tòa án làm việc nhưng bà N không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng bà N không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà N. Về con chung: Cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 27/07/2019 cho bà N tiếp tục nuôi dạy. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 30 tháng 6 năm 2026, ông Nguyễn Hoàng Đ nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Bích N, cư trú ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, ông Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà N vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Ông Đ và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018 và đến năm năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay xã T, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 02/05/2019 nên hôn nhân giữa ông Đ và bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Ông Đ xác định trong thời gian chung sống, ông Đ và bà N có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân 04 năm nay. Phía bà N biết ông Đ nộp đơn ly hôn tại Toà án nhưng không đến hoà giải coi như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa ông Đ và bà N không còn hạnh phúc, bởi ông Đ xác định không còn tình cảm với bà N, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ và bà N đã ly thân 4 năm nay, không còn sống chung với nhau. Do

đó, ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà N.

[4]. Về con chung: Ông Đ và bà N sống với nhau có 01 người con chung cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 27/07/2019, hiện đang sống cùng bà N. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải xem xét toàn diện về điều kiện vật chất và tinh thần đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên. Để đảm bảo việc ăn ở, học hành cần tiếp tục giao cháu Q cho bà N tiếp tục nuôi dạy. Điều này phù hợp với ý kiến của ông Đ giao cháu Q cho bà N tiếp tục nuôi dạy. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng: Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 27/07/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng nên cần ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 10/9/2026 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định ông Đ, bà N chung sống không tạo lập tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng, ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000532 ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Phòng Thi hành dân sự khu vực 7- Cà Mau được chuyển thu án phí.

Ngoài ra, ông Đ còn phải chịu số tiền án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, nộp tại Phòng Thi hành dân sự khu vực 7- Cà Mau

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Hoàng Đ đối với bà Nguyễn Thị Bích N. Xử cho ông Nguyễn Hoàng Đ ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 27/07/2019 cho bà Nguyễn Thị Bích N tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu Q đang sống chung với bà N. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Hoàng Đ có nghĩa cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Hoàng Q, sinh ngày 27/07/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 10/9/2026 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi**.**

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Nguyễn Thị Q1 phải chịu 300.000 đồng, ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 00017861 ngày 13 tháng 02 năm 2026 được chuyển thu án phí.

Ngoài ra, ông Đ còn phải chịu số tiền án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, nộp tại Phòng Thi hành dân sự khu vực 7- Cà Mau.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầuthi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi